TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lê Khắc Hải** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Huyền T**, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT: Khóm A, phường L, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Huyền T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào năm 2016. Trong cuộc sống chung thì vợ chồng thường bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột bà sinh sống tại ấp H, xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau từ tháng 7/2021 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Khánh T sinh ngày 05 tháng 6 năm 2015 và Nguyễn Khánh B sinh ngày 17 tháng 8 năm 2016 hiện cháu T đang sống cùng ông T còn cháu B sống cùng bà. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu T cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Bà không cấp dưỡng nuôi con và bà cũng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông và bà Phạm Huyền T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào năm 2016. Trong cuộc sống chung thì vợ chồng có bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông yêu cầu được hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Ông đã nhiều lần năn nỉ bà T quay về chung sống với ông nhưng bà T không đồng ý, nay ông không có phương pháp gì để hàn gắn tình cảm.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Khánh T sinh ngày 05 tháng 6 năm 2015 và Nguyễn Khánh B sinh ngày 17 tháng 8 năm 2016 hiện cháu T đang sống cùng ông còn cháu B sống cùng bà T. Trong trường hợp phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu B cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con và ông cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Huyền T. Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Khánh T sinh ngày 05 tháng 6 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Khánh B cho bà Phạm Huyền T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà T và ông T không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà Phạm Huyền T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Khóm A, phường L, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà T, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] *Về hôn nhân*: Bà Phạm Huyền T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2016 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T xác định trong cuộc sống chung vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, ……".

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…..".

Hội đồng xét xử xét thấy: Mối quan hệ hôn nhân của bà T và ông T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà T và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay. Quá trình làm việc cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà T thể hiện là bà T kiên quyết ly hôn với ông T. Phía ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông T không có phương pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt, điều này cho thấy ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, không có điều kiện để bà T và ông T hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Huyền T đối với ông Nguyễn Văn T.

[6] *Về con chung:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; …… nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Trong thời gian chung sống bà T và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh T sinh ngày 05 tháng 6 năm 2015 và cháu Nguyễn Khánh B sinh ngày 17 tháng 8 năm 2016 hiện cháu T đang sống cùng ông T còn cháu B sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T đồng ý giao cháu T cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Chính quyền địa phương nơi cháu T và cháu B đang sinh sống xác định: Cháu T và cháu B đang được mỗi bên nuôi dưỡng tốt, sức khỏe các cháu phát triển bình thường. Quá trình làm việc ông T thống nhất với yêu cầu của bà T là ông yêu cầu được nuôi cháu T và đồng ý giao cháu B cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu T cho ông T, giao cháu B cho bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Bà T, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà T, ông T không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T và ông T thống nhất xác định là ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003969 ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Huyền T. Cho bà Phạm Huyền T ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Khánh T sinh ngày 05 tháng 6 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Khánh B sinh ngày 17 tháng 8 năm 2016 cho bà Phạm Huyền T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Phạm Huyền T và ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Do bà Phạm Huyền T và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Phạm Huyền T và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Phạm Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Phạm Huyền T đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003969 ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- CCTHADS thị xã GR;
- UBND xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi